

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H.H1
TỈNH N.Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2023/DS - ST

Ngày: 09 - 6 - 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.H1, TỈNH N.Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đề;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.H1, tỉnh N.Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.H1, tỉnh N.Đ tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.H1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/QĐST – DS, ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 4, xã H.H, huyện H.H1, tỉnh N.Đ; “vắng mặt có lý do”;

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 5, xã H.H, huyện H.H1, tỉnh N.Đ; “vắng mặt”;

- **Người làm chứng:** Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 5, xã H.H, huyện H.H1, tỉnh N.Đ, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Hoàng Thị N trình bày:

Do có quan hệ họ hàng nên khi bà Nguyễn Thị T hỏi bà N vay tiền về chi

tiêu gia đình và phát triển kinh tế gia đình bà N đã đồng ý cho bà T vay tiền nhiều lần, hiện bà T còn nợ bà N tổng số tiền là 18.560.000.000đ (mười tám tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng). Việc vay tiền được thể hiện bằng giấy vay tiền do bà T tự viết và ký tên vào quyển sổ oly, bà N giữ giấy vay tiền. Hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn vay đến tháng 12 năm 2022, lãi suất là 1%/tháng. Bà T đã trả lãi cho chị N đến tháng 11/2022, việc trả lãi không có văn bản giấy tờ gì cụ thể các lần vay và nợ như sau:

Chốt nợ cũ của những năm trước vào ngày 30/8/2021 bà T vay bà N là 3.820.000.000 đồng; tuy nhiên sau đó xem xét lại bà N phát hiện bà T cộng thiếu khoản vay ngày 25/8/2021 số tiền vay 300.000.000đồng vì vậy bà T nhất trí viết thêm xuống dưới phần chốt nợ trên cho bà N và ký tên nợ vay. Tổng đến 30/08/2023 bà T vay bà N số tiền 4.120.000.000đ. Sau khi chốt nợ cũ thì lần 2 vào ngày 03/9/2021 bà T vay bà N số tiền 470.000.000đồng đã trả 450.000.000đồng còn nợ 20.000.000đồng;

Lần 3 ngày 01/09/2021 bà T vay bà N số tiền 100.000.000đồng;

Lần 4 ngày 13/09/2021 bà T vay bà N số tiền 500.000.000đồng;

Lần 5 ngày 18/9/2021 bà T vay bà N số tiền 200.000.000đồng;

Lần 6 ngày 06/10/2021 bà T vay bà N số tiền 100.000.000đồng;

Lần 7 ngày 08/10/2021 bà T vay bà N số tiền 300.000.000đồng;

Lần 8 ngày 18/10/2021 bà T vay bà N số tiền 240.000.000đồng;

Lần 9 ngày 12/11/2021 bà T vay bà N số tiền 50.000.000đồng;

Lần 10 ngày 17/11/2021 bà T vay bà N số tiền 10.000.000đồng;

Lần 11 ngày 19/11/2021 bà T vay bà N số tiền 140.000.000đồng;

Lần 12 ngày 27/11/2021 bà T vay bà N số tiền 85.000.000đồng;

Lần 13 ngày 28/11/2021 bà T vay bà N số tiền 100.000.000đồng;

Lần 14 ngày 17/12/2021 bà T vay bà N số tiền 100.000.000đồng;

Lần 15 ngày 13/01/2022 bà T vay bà N số tiền 200.000.000đồng;

Lần 16 ngày 17/01/2022 bà T vay bà N số tiền 60.000.000đồng và 100.000.000đồng;

Lần 17 ngày 13/2/2022 bà T vay bà N số tiền 100.000.000đồng;

Lần 18 ngày 27/3/2022 bà T vay bà N số tiền 30.000.000đồng;

Lần 19 ngày 03/4/2022 bà T vay bà N số tiền 100.000.000đồng;

Lần 20 ngày 08/4/2022 bà T vay bà N số tiền 215.000.000đồng;

Lần 21 ngày 18/4/2022 bà T vay bà N số tiền 100.000.000đồng;

Lần 22 ngày 22/4/2022 bà T vay bà N số tiền 140.000.000đồng;

Lần 23 ngày 04/5/2022 bà T vay bà N số tiền 190.000.000đồng;

Lần 24 ngày 05/5/2022 bà T vay bà N số tiền 300.000.000đồng và 50.000.000đồng;

Lần 25 ngày 12/5/2022 bà T vay bà N số tiền 350.000.000đồng;

Lần 26 ngày 20/5/2022 bà T vay bà N số tiền 40.000.000đồng;

Lần 27 ngày 26/5/2022 bà T vay bà N số tiền 50.000.000đồng;

Lần 28 ngày 01/6/2022 bà T vay bà N số tiền 40.000.000đồng;

Lần 29 ngày 17/6/2022 bà T vay bà N số tiền 430.000.000đồng;

Lần 30 ngày 30/11/2022 bà T vay bà N số tiền 10.000.000.000đồng.

Các lần vay tiền trước, bà N đều trực tiếp giao tiền mặt cho bà T và bà T tự viết ngày tháng vay, số tiền vay và ký tên vào sổ ô ly của bà N và đưa sổ gốc cho bà N giữ. Hai bên có thỏa thuận miệng khi nào bà N cần tiền thì bà T sẽ trả, lãi suất theo thỏa thuận. Bà T đã trả lãi cho bà N đến tháng 11/2022. Tháng 12/2022, bà N nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ gốc và lãi nhưng bà T không trả và cố tình lẩn tránh và đến nay bà T đã bỏ trốn khỏi địa phương bà N không liên lạc được. Toàn bộ số tiền cho bà T vay là của bà N, do bà N tích góp và một mình vay mượn của người khác mà có, không liên quan đến gia đình bà N. Nay bà N làm đơn đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà N số tiền vay còn nợ là 18.560.000.000đ (mười tám tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng), bà N không yêu cầu bà T trả lãi từ tháng 12/2022 đến nay.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bà Nguyễn Thị T không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện H.H1 đã đăng thông tin tìm kiếm bà Nguyễn Thị T trên các phương tiện thông tin đại chúng như đăng thông tin tìm kiếm trên báo Công lý 3 số liên tiếp là 16, 17, 18 ra các ngày 24/02/2023, 01/3/2023 và 03/3/2023; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 25, 26, 27 tháng 02 năm 2023 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án về việc bà N khởi kiện đòi nợ, lịch làm việc với Tòa án và lịch mở phiên tòa xét xử vụ án nếu bà T cố tình vắng mặt. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện H.H1 còn tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật cho bà Nguyễn Thị T nhưng đến nay bà T không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của

Bà Hoàng Thị N.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2023, người làm chứng là anh Đặng Văn Q là con trai của bà T trình bày:

Anh Q là con đẻ của bà Nguyễn Thị T. Bà T bỏ nhà đi biệt tích vào khoảng cuối tháng 12 năm 2022 đến nay không về nhà, hiện nay bà T đang làm ăn sinh sống ở đâu, anh Q và gia đình không biết, không liên lạc được. Anh Q đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện H.H1 đối với bà T nhưng do không liên lạc được với bà T nên anh chưa thông báo cho bà T biết. Anh Q không biết việc bà T vay tiền của bà N. Khoảng cuối tháng 12/2022 bà N có đến nhà yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không có ở nhà.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.H1 tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự cơ bản đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn là bà Nguyễn Thị T, người làm chứng là anh Đặng Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị N đối với bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả bà Hoàng Thị N tổng số tiền 18.560.000.000đ (mười tám tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa: Nguyên đơn là Bà Hoàng Thị N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, người làm chứng là anh Đặng Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn người làm chứng là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đòi tiền cho vay của nguyên đơn: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời khai của đương sự, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Theo lời trình bày của Bà Hoàng Thị N, bà nhiều lần cho bà Nguyễn Thị T vay tổng số tiền 18.560.000.000đồng, mục đích bà T vay tiền để phát triển kinh tế gia đình, và nói với bà N mua đất. Các lần vay tiền bà T tự viết giấy vay và ký tên, bà N giữ giấy vay tiền gốc và trực tiếp đưa tiền mặt cho bà T. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất, các khoản vay đều không xác định thời hạn, khi nào bà N yêu cầu thì bà T sẽ trả. Bà T đã trả lãi đến tháng 11 năm 2022. Cuối tháng

12 năm 2022 bà Nnhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T không trả và cố tình lẩn tránh. Nay bà Nnhiều yêu cầu bà T phải trả số tiền vay nợ là 18.560.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi từ tháng 12/2022 đến nay.

[2.2] Theo lời khai của anh Đặng Văn Q là con trai của bà T thì anh không biết việc vay mượn tiền giữa bà T và bà N, chỉ biết cuối tháng 12 năm 2022 bà Nnhiều lần đến nhà yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T đã bỏ nhà đi từ tháng 12 năm 2022 đến nay không về.

[2.3] Chứng cứ mà bà Ngiao nộp cho Tòa án là 01 quyển sổ, bên trong viết chữ, số bằng tay có các nội dung:

+ Tại tờ số 1: Ngày 23/8/2021 cô Thu vay của cháu Nga số tiền 200.000.000đồng, có nét gạch bút bi màu đen lên các chữ đã viết. Bà Nkhánh định khoản tiền này bà T đã trả đủ.

+ Tại tờ số 2: Ngày 30/8/2021 chốt tổng nợ là 3.820.000.000đ (ba tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng); ngày 25/8 cô Thu vay thêm 300.000.000đồng; Ngày 03/9 vay thêm 470.000.000đồng đã trả 450.000.000đồng còn 20.000.000đồng; ngày 01/9 vay 100.000.000đồng; ngày 13/9 vay thêm 500.000.000đồng; ngày 18/9/ vay 200.000.000đồng. Phía dưới mỗi ngày vay tiền đều có chữ ký, chữ viết “Thu, Nguyễn Thị T”.

+ Tại tờ số 3: Ngày 06/10/2021 vay thêm 100.000.000đồng; ngày 08/10 vay thêm 300.000.000đồng; ngày 18/10 vay thêm 240.000.000đồng; ngày 12/11 lấy thêm 50.000.000đồng, ngày 17/11 lấy thêm 10.000.000đồng, ngày 19/11 vay thêm 140.000.000đồng; Ngày 27/11/2021 vay thêm 85.000.000đồng; ngày 28/11 vay thêm 100.000.000đồng; ngày 17/12 vay thêm 100.000.000đồng; ngày 13/01/2022 vay thêm 200.000.000đồng; ngày 17/01/2022 vay thêm 60.000.000đồng và 100.000.000đồng; Phía dưới mỗi ngày vay tiền đều có chữ ký, chữ viết “Thu, Nguyễn Thị T”.

+ Tại tờ số 4: Ngày 13/2/2022 vay 100.000.000đồng; ngày 27/3//2022 vay thêm 30.000.000đồng; ngày 03/4/2022 vay 100.000.000đồng; ngày 08/4/2022 vay thêm 215.000.000đồng; ngày 18/4 vay 100.000.000đồng; 22/4 vay 140.000.000đồng; 04/5 vay 190.000.000đồng; ngày 05/5 vay 300.000.000đồng + 50.000.000đồng; Ngày 12/5/2022 vay 350.000.000đồng; ngày 20/5 vay 40.000.000đồng; ngày 26/5/2022 vay 50.000.000đồng; ngày 01/6/2022 vay 40.000.000đồng; ngày 17/6 vay 430. 000.000đồng. Phía dưới mỗi ngày vay tiền đều có chữ ký, chữ viết “Thu, Nguyễn Thị T”.

+ Tờ số 6 nội dung: “Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tôi Nguyễn Thị T xóm 5, H.H có vay của Nga số tiền là 10.000.000.000 (mười tỷ đồng chẵn)”.

[2.4] Tháng 12 năm 2022 bà N đến nhà yêu cầu bà T trả nợ thì bà T đã bỏ đi khỏi địa phương. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện H.H1 đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng liên quan

đến yêu cầu khởi kiện của bà N đối với bà T, đăng thông tin tìm kiếm bà T trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà T vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà N.

[2.5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, người làm chứng đã đủ cơ sở khẳng định việc bà Nguyễn Thị T có vay và còn nợ số tiền 18.560.000.000 đồng của bà Hoàng Thị N là đúng. Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy việc vay mượn tiền giữa bà N và bà T là rõ ràng, cụ thể, đã thể hiện ý chí, sự thỏa thuận thống nhất của bên vay và bên cho vay do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bà T phải trả số tiền 18.560.000.000 đồng; buộc bà Nguyễn Thị T phải trả bà Hoàng Thị N số tiền 18.560.000.000 đồng (mười tám tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng). Do bà N không yêu cầu trả lãi từ tháng 11/2022 đến nay nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, không buộc bà T phải trả tiền lãi cho bà N.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

1.1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tiền vay của bà Hoàng Thị N đối với bà Nguyễn Thị T.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả nợ cho bà Hoàng Thị N số tiền nợ gốc là 18.560.000.000đ (mười tám tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 13 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

Bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 126.560.000đ (một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị N được nhận lại số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006479 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.H1.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hoàng Thị N, bị đơn bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng